

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ S
TỈNH SÓC TRĂNG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 51/2021/DS-ST
Ngày: 09 – 6 – 2021
V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ S, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vương Thị Lệ Hằng

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Hà Văn Châu

Ông Huỳnh Phước

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Thuận – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố S, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố S, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Bà Đỗ Ngọc Tuyền – Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 6 năm 2021, T trụ sở Tòa án nhân dân thành phố S, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 203/2020/TLST-DS, ngày 26/10/2020, về “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 91/2021/QĐXXST-DS ngày 29/4/2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Huỳnh Văn Tr, sinh năm 1983; Địa chỉ: Số nhà 173/1, ấp 19/5, xã K, huyện K, tỉnh Sóc Trăng.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Bà Trịnh Lệ Th, sinh năm 1964; Địa chỉ: Số nhà 13, đường Nguyễn Hoàng H, ấp A, thị trấn K, huyện K, tỉnh Sóc Trăng (có mặt).

- Bị đơn:

+ Ông Cái Hồng T, sinh năm 1986 (có mặt)

+ Bà Dương Thị T, sinh năm 1982 (có mặt)

Cùng địa chỉ: Số nhà 03 (10), đường N, Khóm A, Phường B, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện ngày 15 tháng 9 năm 2020 và T phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Trịnh Lệ Th trình bày:

Vào năm 2018, vợ chồng ông Cái Hồng T và bà Dương Thị T có vay mượn của ông Huỳnh Văn Tr số tiền cụ thể như sau:

Bà T vay 35.000.000 đồng (ba mươi lăm triệu đồng), thời hạn vay thỏa thuận 01 (một) tháng sẽ trả lại, lãi suất thỏa thuận là 20%/năm. Ông T mượn 60.000.000 đồng (sáu mươi triệu đồng), không tính lãi suất. T thời điểm vay không có làm biên nhận nợ do ông T là bạn của ông Tr. Sau một thời gian, ông T bà T không trả tiền vốn cho ông Tr nên ông Tr có đòi tiền vay. Bà T hứa đến ngày 01/3/2019 sẽ trả dứt điểm cho ông Tr 35.000.000 đồng (ba mươi lăm triệu đồng), còn số tiền ông T vay thì bà T cũng hứa sẽ trả từ 25.000.000 đồng (hai mươi lăm triệu đồng) đến 30.000.000 đồng (ba mươi triệu đồng). Tuy nhiên cho đến nay, bà T chỉ trả được cho ông Tr số tiền là 10.000.000 đồng (mười triệu đồng) và còn nợ lại 25.000.000 đồng (hai mươi lăm triệu đồng). Ông T thì không có trả số tiền nợ đã mượn.

T đơn khởi kiện ngày 15/9/2020, nguyên đơn ông Tr yêu cầu:

Buộc ông Cái Hồng T trả cho ông số tiền nợ gốc đã vay là 60.000.000 đồng (sáu mươi triệu đồng) và tiền lãi suất tạm tính từ ngày 01/03/2019 đến ngày 01/9/2020 là 18 tháng x 60.000.000 đồng x 20%/năm = 18.000.000 đồng (mười tám triệu đồng).

Buộc bà Dương Thị T trả cho ông số tiền nợ gốc là 26.500.000 đồng (hai mươi sáu triệu năm trăm nghìn đồng) và tiền lãi suất tạm tính từ ngày 01/3/2019 đến ngày 01/9/2020 là 18 tháng x 26.500.000 đồng x 20%/năm = 7.950.000 đồng (bảy triệu chín trăm năm mươi nghìn đồng).

Tuy nhiên vào ngày 20/4/2021 và tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày: Nguyên đơn ông Tr có đơn xin rút yêu cầu khởi kiện, không yêu cầu Tòa án giải quyết đối với số tiền nợ của ông T. Đối với số tiền của bà T thì nguyên đơn có thay đổi yêu cầu buộc bà T trả cho ông số tiền nợ gốc là 25.000.000 đồng (hai mươi lăm triệu đồng) và tiền lãi tạm tính từ ngày 01/3/2019 đến ngày xét xử sơ thẩm với mức lãi suất là 10%/năm cụ thể là 25.000.000 đồng x 02 năm 03 tháng 08 ngày x 10%/năm = 5.676.500 đồng (năm triệu sáu trăm bảy mươi sáu nghìn năm trăm đồng).

* Tại Biên bản lấy lời khai ngày 26/11/2020, 03/3/2021 và tại phiên tòa, bị đơn bà Dương Thị T trình bày:

Bà thừa nhận vào năm 2018 có vay của ông Tr số tiền là 35.000.000 đồng (ba mươi lăm triệu đồng), lãi suất thỏa thuận là 10%/tháng. Khi vay không có làm biên nhận, tuy nhiên sau đó bà có viết biên nhận nợ cho ông Tr. Từ khi vay, bà có trả được cho ông Tr 10.000.000 đồng (mười triệu đồng) thì không trả nữa. Bà vay để phục vụ sinh hoạt cuộc sống gia đình. Nay bà thừa nhận còn nợ ông Tr số tiền là 25.000.000 đồng (hai mươi lăm triệu đồng). Đối với số tiền lãi suất ông Tr yêu cầu thì bà không đồng ý trả. Hiện nay hoàn cảnh gia đình khó khăn, bà xin trả mỗi tháng là 1.000.000 đồng (một triệu đồng) cho đến khi thanh toán hết nợ. Đối với số tiền ông Tr yêu cầu ông T trả 60.000.000 đồng (sáu mươi triệu đồng), bà không biết ông Tr và ông T thỏa thuận vay mượn như thế nào, do gia đình ông Tr làm áp lực cho bà nên bà mới viết biên nhận nợ thừa nhận số tiền ông T nợ ông Tr là 60.000.000 đồng (sáu mươi triệu đồng). Tuy nhiên ông

Tr đã rút lại yêu cầu khởi kiện đối với số tiền nợ này nên bà thống nhất và không ý kiến gì khác.

* Tại biên bản lấy lời khai ngày 26/11/2020 và tại phiên tòa, bị đơn ông Cái Hồng T trình bày:

Ông không có mượn số tiền 60.000.000 đồng (sáu mươi triệu đồng) của ông Tr. Ông không biết việc bà T viết biên nhận nợ. Vào năm 2017, ông có nhận 07 (bảy) cái máy lạnh bán giúp cho ông Tr và có thỏa thuận sẽ nhận tiền hoa hồng nhưng sau khi bán xong thì ông không được nhận tiền. Từ thời điểm đó cho đến nay giữa ông và ông Tr không có thỏa thuận vay mượn tiền với nhau. Nay ông Tr rút yêu cầu khởi kiện đối số tiền của ông thì ông đồng ý và không ý kiến gì khác.

* Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố S tham gia phiên tòa trình bày ý kiến: Việc xác định quan hệ pháp luật tranh chấp và xác định tư cách của người tham gia tố tụng trong vụ án là đúng quy định của pháp luật; Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật về tố tụng dân sự. Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, qua thẩm tra chứng cứ và kết quả tranh luận tại phiên tòa, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Theo nội dung khởi kiện, nguyên đơn ông Huỳnh Văn Tr yêu cầu bà Dương Thị T và ông Cái Hồng T trả số tiền nợ đã vay và yêu cầu tính lãi suất. Tòa án nhân dân thành phố S, tỉnh Sóc Trăng thụ lý vụ án và xác định quan hệ pháp luật tranh chấp giải quyết “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” là đúng theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Trong vụ án, bị đơn bà Dương Thị T và ông Cái Hồng T hiện đang cư trú tại thành phố S, tỉnh Sóc Trăng nên Tòa án nhân dân thành phố S thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Nguyên đơn ông Huỳnh Văn Tr rút yêu cầu khởi kiện đối với phần yêu cầu buộc ông Cái Hồng T trả số tiền nợ 60.000.000 đồng (sáu mươi triệu đồng) và tiền lãi là 18.000.000 đồng (mười tám triệu đồng). Đồng thời ông Tr thay đổi yêu cầu khởi kiện buộc bà Dương Thị T trả cho ông số tiền nợ gốc là 25.000.000 đồng (hai mươi lăm triệu đồng) và tiền lãi tạm tính từ ngày 01/3/2019 đến ngày xét xử sơ thẩm với mức lãi suất là 10%/năm. Xét thấy việc rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền nợ của ông T là tự nguyện và việc thay đổi yêu cầu khởi kiện đối với số tiền của bà T là không vượt quá phạm vi yêu cầu khởi kiện ban đầu nên

căn cứ vào quy định tại Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử chấp nhận đối với việc thay đổi yêu cầu khởi kiện và đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu ông Tr đã rút.

[3] Về nội dung khởi kiện của ông Tr đối với yêu cầu buộc bà T trả số tiền nợ 25.000.000 đồng (hai mươi lăm triệu đồng) và tiền lãi tính từ ngày 01/3/2019 đến ngày 09/6/2021 với lãi suất là 10%/năm cụ thể số tiền lãi là 5.676.500 (năm triệu sáu trăm bảy mươi sáu nghìn năm trăm đồng), Hội đồng xét xử nhận thấy:

[3.1] Căn cứ vào biên nhận nợ do nguyên đơn cung cấp và tại biên bản lấy lời khai ngày 03/3/2021, cũng như lời trình bày tại phiên tòa, bà T thừa nhận có vay của ông Tr 35.000.000 đồng (ba mươi lăm triệu đồng), đã trả được 10.000.000 đồng (mười triệu đồng), hiện nay còn nợ lại số tiền là 25.000.000 đồng (hai mươi lăm triệu đồng), căn cứ vào khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự về những tình tiết sự kiện không phải chứng minh, Hội đồng xét xử công nhận việc bà T có vay 35.000.000 đồng (ba mươi lăm triệu đồng) của ông Tr và hiện tại còn nợ ông Tr 25.000.000 đồng (hai mươi lăm triệu đồng) là có thật. Việc thỏa thuận vay tiền giữa ông Tr và bà T là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm pháp luật, không trái đạo đức xã hội. Tuy nhiên trong quá trình vay, bà T đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ. Do đó việc ông Tr khởi kiện yêu cầu buộc bà T trả số tiền còn nợ 25.000.000 đồng (hai mươi lăm triệu đồng) và tiền lãi suất là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3.2] Theo nguyên đơn ông Tr trình bày khi vay tiền vào năm 2018, các bên có thỏa thuận lãi suất là 20%/năm (tương đương 1,66%/tháng). Bị đơn bà T cho rằng khi vay có thỏa thuận lãi suất là 10%/tháng. Từ khi vay cho đến khi làm biên nhận nợ, bà T hứa đến ngày 01/3/2019 sẽ trả hết nợ gốc. Tuy nhiên từ đó cho đến nay, bà T chỉ trả nợ gốc được số tiền 10.000.000 đồng (mười triệu đồng) và chưa trả khoản tiền lãi nào. Xét thấy tại biên nhận nợ không thỏa thuận cụ thể về lãi suất, tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định “*Trường hợp các bên có thỏa thuận về trả lãi, nhưng không xác định rõ lãi suất và có tranh chấp về lãi suất thì lãi suất được xác định bằng 50% mức lãi suất giới hạn quy định tại khoản 1 Điều này tại thời điểm trả nợ*”. Do đó việc nguyên đơn yêu cầu tính lãi suất là 10%/năm (0,83%/tháng) đối với số tiền còn nợ 25.000.000 đồng (hai mươi lăm triệu đồng) từ ngày 01/3/2019 đến ngày xét xử sơ thẩm (02 năm 03 tháng 08 ngày) cụ thể là 5.676.500 đồng (năm triệu sáu trăm bảy mươi sáu nghìn năm trăm đồng) là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3.3] Đối với việc bà T trình bày mỗi tháng trả 1.000.000 đồng (một triệu đồng) cho đến khi hết nợ do hoàn cảnh gia đình khó khăn và khi vay tiền bà T dùng số tiền này để phục vụ sinh hoạt cuộc sống hàng ngày của gia đình. Việc bà vay tiền thì chồng bà là ông Cái Hồng T biết và cũng đồng ý trả. Xét thấy bà T đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ trong một khoảng thời gian dài nhưng vẫn không thực hiện. Mặt khác nguyên đơn ông Tr không đồng ý đối với yêu cầu xin trả dần của bà T nên Hội đồng xét xử không xem xét đối với lời trình bày này của bà T. Ngoài ra do số tiền này bà T vay để đáp ứng nhu cầu thiết yếu của gia đình, ông T biết và cũng đồng ý trả, do đó căn cứ khoản 2 Điều 37 của Luật Hôn

nhân và gia đình năm 2014 cần buộc ông Cái Hồng T cùng thực hiện nghĩa vụ trả số tiền nợ này.

[4] Từ những phân tích nêu trên, xét đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Sóc Trăng là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, bà Dương Thị T và ông Cái Hồng T phải chịu 1.533.825 đồng (một triệu năm trăm ba mươi ba nghìn tám trăm hai mươi lăm đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm. Ông Huỳnh Văn Tr không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 92, Điều 244, Điều 271, Điều 273 và Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 463, Điều 466, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Khoản 2 Điều 37 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

*** Tuyên xử:**

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Huỳnh Văn Tr.

Buộc bà Dương Thị T và ông Cái Hồng T trả cho ông Huỳnh Văn Tr tổng số tiền nợ là 30.676.500 đồng (ba mươi triệu sáu trăm bảy mươi sáu nghìn năm trăm đồng), gồm nợ gốc là 25.000.000 đồng (hai mươi lăm triệu đồng) và tiền lãi suất là 5.676.500 đồng (năm triệu sáu trăm bảy mươi sáu nghìn năm trăm đồng).

2. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu khởi kiện của ông Huỳnh Văn Tr buộc ông Cái Hồng T trả số tiền nợ là 60.000.000 đồng (sáu mươi triệu đồng) và tiền lãi suất tính từ ngày 01/3/2019 đến ngày 01/9/2020 là 18.000.000 đồng (mười tám triệu đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của nguyên đơn ông Huỳnh Văn Tr cho đến khi thi hành xong khoản tiền bà Dương Thị T và ông Cái Hồng T phải thanh toán cho ông Huỳnh Văn Tr nêu trên, hàng tháng bà T và ông T còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn ông Huỳnh Văn Tr không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả cho ông Huỳnh Văn Tr số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.811.200 đồng (hai triệu tám trăm mười một nghìn hai trăm đồng)

theo biên lai thu tiền số 0004683 ngày 20/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố S, tỉnh Sóc Trăng.

Bà Dương Thị T và ông Cái Hồng T phải chịu 1.533.825 đồng (một triệu năm trăm ba mươi ba nghìn tám trăm hai mươi lăm đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo bản án: Các đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

4. Tr hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự (đã được sửa đổi, bổ sung) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự (đã được sửa đổi, bổ sung); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự (đã được sửa đổi, bổ sung).

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND thành phố S;
- CC THADS thành phố S;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vương Thị Lệ Hằng